

Số: 358 /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày 07 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Điều lệ
Hội Khoa học kỹ thuật Thủy lợi tỉnh Lạng Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội Khoa học kỹ thuật Thủy lợi tỉnh tại Báo cáo số 01/BC-HTL ngày 20/02/2023 và đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 89/TTr-SNV ngày 01/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Hội Khoa học kỹ thuật Thủy lợi tỉnh Lạng Sơn, đã được Đại hội khóa VI, nhiệm kỳ 2023 - 2028 thông qua ngày 18/02/2023.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Hội Khoa học kỹ thuật Thủy lợi tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Pháp chế, HĐND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Hội Khoa học kỹ thuật Thủy lợi tỉnh;
- PCVP UBND tỉnh,
- các phòng: TH, NC, KT, TTTT;
- Lưu: VT, NC_(PVD).

CHỦ TỊCH



Hồ Tiến Thiệu



ĐIỀU LỆ
HỘI KHOA HỌC KỸ THUẬT THỦY LỢI TỈNH LẠNG SƠN

*(Kèm theo Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2023
của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi

1. Tên Tiếng Việt: Hội Khoa học kỹ thuật Thủy lợi tỉnh Lạng Sơn.
2. Tên viết tắt: Hội Thủy lợi tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Khoa học kỹ thuật Thủy lợi tỉnh Lạng Sơn (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp của những người làm công tác Thủy lợi đã nghỉ hoặc đang công tác trong tỉnh Lạng Sơn, tự nguyện thành lập nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, góp phần giải quyết những yêu cầu về xây dựng và quản lý khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh.

Hội hoạt động theo Hiến pháp và Pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tuân thủ những quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, cơ quan quản lý chuyên ngành và Điều lệ Hội.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
2. Trụ sở của Hội đặt tại: Chi cục Thủy lợi tỉnh Lạng Sơn.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trên phạm vi toàn tỉnh Lạng Sơn, trong lĩnh vực Thủy lợi. Hội Thủy lợi tỉnh Lạng Sơn là thành viên của Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật tỉnh Lạng Sơn, Hội Thủy lợi Việt Nam.
2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.

3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II **QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ**

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích của Hội.
2. Đại diện cho hội viên trong mỗi quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.
4. Phổ biến, tập huấn kiến thức cho hội viên; cung cấp thông tin cần thiết cho hội viên theo quy định của pháp luật.
5. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội, tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật.
6. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật và được cấp chứng chỉ hành nghề khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.
7. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.
8. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.
9. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.
10. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Phổ biến, tập huấn kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

4. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

5. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.

6. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

7. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức: là công dân Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực Thủy lợi có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, có thể trở thành hội viên chính thức của Hội.

b) Hội viên danh dự: là những người có uy tín cao, có ảnh hưởng tích cực đến hoạt động của Hội, có khả năng đóng góp nhiều cho Hội, nhưng không có điều kiện hoặc không có đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức của hội, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện xin vào Hội, được Hội công nhận là hội viên danh dự.

c) Hội viên liên kết: là các công dân, tổ chức Việt Nam có khả năng hợp tác, hỗ trợ Hội hoạt động nhưng không có điều kiện hoặc không đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức của Hội, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện xin vào Hội, được Hội công nhận là hội viên liên kết.

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức: là những người đã nghỉ hoặc đang công tác trong ngành Thủy lợi Lạng Sơn, có điều kiện tham gia các hoạt động của Hội, tuân thủ Điều lệ Hội, luôn chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

4. Dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo Hội và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.

5. Giới thiệu hội viên mới.

6. Khen thưởng theo quy định của Hội.

7. Tham gia các Hội khác theo quy định của pháp luật.

8. Hội viên ốm đau, hoặc gia đình có việc hiếu được Hội tổ chức đến thăm, viếng theo quy định của Hội.

9. Gia đình hội viên thật sự khó khăn, gặp rủi ro, hoạn nạn được Hội quan tâm, động viên thăm hỏi, đặc biệt trường hợp khó khăn về kinh tế sẽ được Hội, Chi hội tổ chức quyên góp giúp đỡ theo quy định của Hội và quy định pháp luật.

10. Hội viên cao tuổi được Hội tổ chức mừng thọ theo quy chế của Hội.

11. Ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

12. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Lãnh đạo, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

6. Hoàn thành cam kết của mình với Hội trước khi ra khỏi Hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra khỏi hội

1. Người có nguyện vọng xin gia nhập Hội cần bày tỏ nguyện vọng đến Chi hội, Chi hội xem xét báo cáo Ban Thường vụ Hội, Tổng thư ký tổng hợp đề nghị Ban Thường vụ xem xét quyết định kết nạp theo đề nghị của Chi hội.

2. Hội viên xin ra khỏi Hội cần bày tỏ nguyện vọng đến Chi hội, Chi hội xem xét báo cáo Ban Thường vụ Hội, Tổng thư ký tổng hợp đề nghị Ban Thường vụ xem xét quyết định đưa ra khỏi Hội theo đề nghị của Chi hội.

Chương IV TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường vụ.
4. Ban Kiểm tra.
5. Các chi hội thuộc Hội.
6. Các tổ chức trực thuộc Hội.
7. Tổng Thư ký.
8. Văn phòng Hội.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) số Ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức hoặc Đại hội đại biểu có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu được triệu tập có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua: Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội.

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ; Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);

c) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành; Báo cáo tài chính của Hội; Báo cáo Ban Kiểm tra của Hội.

d) Bầu Ban Chấp hành; Ban Kiểm tra của Hội.

đ) Các nội dung khác (nếu có);

e) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được trên 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

Ban Chấp hành là cơ quan lãnh đạo của Hội giữa 2 kỳ Đại hội. Ban Chấp hành do Đại hội bầu theo nguyên tắc bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết.

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên chính thức của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, Tổng thư ký; Bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá 1/3 (một phần ba) với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

3) Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp 02 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có 2/3 (hai phần ba) ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 15. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên; số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Xem xét thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo quy định của pháp luật;

d) Quyết định các vấn đề thi đua, khen thưởng và kỷ luật thuộc thẩm quyền của Hội;

đ) Quyết định kết nạp hội viên mới; công nhận hội viên danh dự và hội viên liên kết của Hội;

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ mỗi năm họp 2 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có 2/3 (hai phần ba) ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 16. Các Chi hội trực thuộc

Các Chi hội là đơn vị cơ sở thuộc Hội. Chi hội có Chi hội trưởng, Chi hội phó, có nhiệm kỳ cùng với nhiệm kỳ của Đại hội; Chi hội có nhiệm vụ sau:

1. Thực hiện các chương trình công tác của Hội và Chi hội.

2. Nắm tình hình nhu cầu của hội viên để kiến nghị, đề xuất với Ban Chấp hành Hội.

3. Giới thiệu và tổ chức kết nạp hội viên mới khi có quyết định của Ban Thường vụ hội; quản lý hội viên.

4. Quản lý thu, chi, trích nộp hội phí, quyết toán hằng năm với Hội.

5. Thay mặt Hội tổ chức thăm hỏi khi có Hội viên ốm đau, chia buồn, phúng viếng khi có Hội viên hoặc thân phụ mẫu của hội viên qua đời.

Điều 17. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra hội gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban (nếu có) và một số ủy viên do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên.

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội.

c) Kiểm tra tài chính của hội theo định kỳ.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 18. Các tổ chức trực thuộc Hội

Các tổ chức trực thuộc Hội được thành lập khi Hội có nhu cầu và đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý Nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội;

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

3. Phó Chủ tịch Hội

Phó Chủ tịch Hội giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực hoặc công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 20. Tổng Thư ký

Tổng Thư ký là người điều hành trực tiếp mọi hoạt động của Văn phòng Hội; chuẩn bị nội dung các kỳ sinh hoạt của Ban Chấp hành và Ban Thường vụ; định kỳ báo cáo Ban Chấp hành và Ban Thường vụ về các hoạt động của Hội;

lập báo cáo hằng năm, báo cáo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Hội; quản lý và sử dụng tài sản và tài chính của Hội theo quy chế của Hội và theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về các hoạt động của Văn phòng Hội trước Ban Chấp hành và trước pháp luật.

Điều 21. Văn phòng Hội

1. Văn phòng Hội được tổ chức và hoạt động theo quy chế do Ban Thường vụ phê duyệt.

2. Đề xuất khi Hội có nhu cầu thành lập các Ban chuyên môn và các tổ chức trực thuộc Hội, trình Ban Thường vụ Hội xem xét quyết định và ban hành quy chế hoạt động.

3. Khi cần và có nhu cầu thì tham mưu, đề xuất với Ban Thường vụ Hội thành lập các tổ chức hoạt động trong các lĩnh vực nghiên cứu, đào tạo, dịch vụ khoa học kỹ thuật và sản xuất kinh doanh trực thuộc Hội theo quy định của pháp luật.

4. Văn phòng Hội có nhiệm vụ phối hợp điều phối hoạt động của Hội, của các Chi hội và các tổ chức khác của Hội dưới sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Hội.

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ HỘI

Điều 22. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 23. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội:

a) Nguồn thu của Hội:

- Lệ phí gia nhập Hội, hội phí hằng năm của hội viên;
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

- Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao (nếu có);

- Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;

- Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc;

- Chỉ thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật (nếu có);
- Chỉ khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội: tài sản của Hội bao gồm trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ (nếu có).

Điều 24. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.
2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.
3. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VII KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 25. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.
2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 26. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức:
 - a) Khiển trách.
 - b) Cảnh cáo.
 - c) Khai trừ ra khỏi Hội.
2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

Chỉ có Đại hội Hội Khoa học kỹ thuật Thủy lợi tỉnh Lạng Sơn mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội Khoa học kỹ thuật Thủy lợi tỉnh Lạng Sơn gồm 8 Chương, 28 Điều đã được Đại hội toàn thể Hội Khoa học kỹ thuật Thủy lợi tỉnh Lạng Sơn khóa VI nhiệm kỳ 2023 - 2028 thông qua ngày 18/02/2023 và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn. Điều lệ này thay thế cho Điều lệ Hội Khoa học kỹ thuật Thủy lợi tỉnh Lạng Sơn khóa I, được phê duyệt tại Quyết định số 149/QĐ-TCCQ ngày 16/4/2002 của Trưởng Ban Tổ chức chính quyền tỉnh Lạng Sơn.

2. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Khoa học kỹ thuật Thủy lợi tỉnh Lạng Sơn có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.